

Số: /KH-THCSLD

Thiên Hương, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **Năm học 2025 - 2026**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021, Quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Thực hiện nội dung Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Căn cứ quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Công văn số 5198/SGDĐT-VP ngày 04/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn thời gian làm việc của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố; Công văn số 5776/SGDĐT-TrH ngày 20/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về Lịch chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục Trung học 2025 - 2026;

Trường THCS Lâm Động xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh bên ngoài

1.1. Thời cơ

- Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương đúng đắn, kịp về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo; Luật Giáo dục 2019; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT là chương trình mở, tăng tính chủ động sáng tạo cho mỗi nhà trường, mỗi giáo viên.

- Sự phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đã được quan tâm chỉ đạo tăng cường ứng dụng vào các cơ sở giáo dục.

- Sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo, sự tuyên truyền mạnh mẽ nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Các cấp lãnh đạo địa phương và thành phố luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục của nhà trường, đội ngũ, an ninh, an toàn trường học...

1.2. Thách thức

- Trường nằm trên địa bàn mà kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập còn thấp so với mặt bằng chung, điều này làm ảnh hưởng đến các điều kiện học tập và rèn luyện của học sinh, cũng như việc tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Địa phương là phường mới được thành lập từ phường Hoàng Lâm, Thiên Hương, xã Kiền Bái cũ và một phần của phường Hoa Đông; trên địa bàn có khu công nghiệp Nam Cầu Kiền có nhiều nhà máy, công ty đã và đang xây dựng, hoạt động nên có những tác động tích cực và tiêu cực phần nào ảnh hưởng đến sự quan tâm của cha mẹ và gia đình đến việc học tập và rèn luyện của học sinh.

- Tốc độ số hóa vào trong các lĩnh vực diễn ra nhanh, sự bùng nổ của các trang mạng xã hội trên internet, thông tin đa chiều, không tránh khỏi những tác động xấu của các thông tin xấu, độc, ảnh hưởng không nhỏ đến học sinh và cha mẹ học sinh.

- Nguy cơ học sinh vi phạm các quy định về an toàn giao thông, bạo lực học đường vẫn tiềm ẩn do tác động của xã hội.

2. Bối cảnh bên trong

2.1. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ số phòng học đảm bảo mỗi lớp có 01 phòng học riêng biệt, phòng học có kích thước đạt chuẩn, bàn ghế đạt chuẩn, các phòng học được trang bị ti vi có kết nối mạng wifi; có khu phòng học bộ môn, phòng thiết bị giáo dục riêng biệt. Trường nằm ngay cạnh sân vận động của xã, thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài lớp học.

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn cao (theo Luật Giáo dục 2019), cụ thể như sau:

Tổng số	CBQL	NV	GV	Đảng viên	Trình độ CM					Lý luận chính trị	Ngoại ngữ	Tin học
					ThS	ĐH	CD	TC	Khác			
23	02	02	19	17	02	19	02	0	0	TC:03 SC:14	ĐH:3 CD:01 B: 17 B1:02	ĐH: 02 B:21

- Có 04/19= 21,05 % giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp thành phố Thủy Nguyên, có 1/19 = 5,26% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp thành phố; 100% có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, ham học hỏi; 100% được tham gia bồi dưỡng, tập huấn chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các nội dung liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

- Tập thể lãnh đạo, quản lý nhà trường tâm huyết, trách nhiệm, bám sát sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

- Đa số học sinh có ý thức tốt trong học tập và rèn luyện; đa số phụ huynh học sinh quan tâm đến các điều kiện học tập và rèn luyện của học sinh. .

2.2 Điểm yếu

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu về số lượng, đạt tỉ lệ 1,46 GV/lớp (nếu không tính hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP); không đồng bộ về cơ cấu; chưa có giáo viên Tổng phụ trách chuyên trách. Còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019. Một số giáo viên chưa nắm vững lý luận dạy học, lý luận giáo dục để đáp ứng dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, chưa nắm vững tâm lý lứa tuổi; ngại đổi mới. Chưa thực sự nhất quán quan điểm “Dạy học phân hóa, sát đối tượng, cá nhân hóa đối tượng”.

- Nhóm vị trí việc làm theo chuyên ngành dùng chung còn thiếu (văn thư, thư viện...).

- Phòng học bộ môn trang thiết bị đã cũ nát hoặc lạc hậu, còn thiếu nhiều trang thiết bị trong các phòng Tin học, Nghệ thuật, Khoa học tự nhiên (theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT); một số phòng học bộ môn còn thiếu như phòng học đa chức năng, diện tích nhỏ hơn so với quy định (theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT). Chưa có nhà tập đa năng, bãi tập riêng biệt; điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy và học môn GDTC và tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài lớp học.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường năm học 2025-2026

Khối	Số lớp	Tình hình học sinh								Ghi chú
		Tổng số	Số nữ		Hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn	Khuyết tật	Con bộ đội, công an, thương binh	Dân tộc thiểu số	Số HS/lớp	
			SL	Tỉ lệ						
6	3	120	52	43,33	2	1	5	0	40,00	
7	3	115	50	43,10	6	2	5	0	38,33	
8	4	155	75	48,70	4	2	10	0	38,75	
9	3	133	75	56,40	1	1	4	0	44,33	
Tổng	13	523	252	48,30	13	6	24	0	40,23	01 con TB ở lớp 9A3

3.2. Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng

Khối phòng học (khu A): 12 phòng/12 lớp

Tầng 3	Số phòng	9	10	11	12
	Lớp	6A3	9A1	9A2	9A3
Tầng 2	Số phòng	5	6	7	8
	Lớp	6A1	7A1	7A2	7A3
Tầng 1	Số phòng	1	2	3	4
	Lớp	6A2	8A1	8A2	8A3

Khối phòng học bộ môn (khu B): 07 phòng

Tầng 2	Phòng	20	19	18	17
	Bộ môn/lớp học	Ngoại ngữ	8A4	Âm nhạc	Tin học

Tầng 1	Phòng	13	14	15	16
	Bộ môn	KHTN 01	KHTN 02	Công nghệ	Thiết bị giáo dục

Khối phòng hỗ trợ học tập; khối phòng hành chính quản trị và khối phụ trợ (khu C):

- Phòng thiết bị giáo dục (ở khu B).
- Các phòng còn lại được bố trí như sau:

Tầng 2	Phòng	32				31	30	29	28
	Chức năng	Hiệu trưởng				Phó Hiệu trưởng	Đảng, Đoàn thể	Truyền thống	Thư viện
Tầng 1	Phòng	28	27	26	25	24	23	22	21
	Chức năng	Vệ sinh GV nữ	Vệ sinh GV nam	Phòng Đoàn, Đội	Phòng y tế	Phòng tư vấn học đường; hỗ trợ HS khuyết tật	Văn phòng	Phòng các tổ chuyên môn	Phòng họp toàn thể giáo viên

- Có khu để xe riêng biệt cho giáo viên và học sinh (khu để xe của GV đỗ sập do bão Yagi năm 2024, hiện chưa được khắc phục).

3.3. Định hướng xây dựng thực hiện chương trình dạy học:

Thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) năm 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018), chưa thực hiện dạy học môn tự chọn. Tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; buổi sáng dạy theo nội dung chương trình 2018; buổi chiều tổ chức dạy thêm đối với các đối tượng quy định trong Thông tư 29 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Dạy và học chính khóa theo CTGDPT 2018 với 06 buổi/tuần, mỗi buổi không quá 05 tiết.

- Buổi chiều:

Tổ chức các hoạt động:

+ Bồi dưỡng học sinh giỏi các môn theo hướng dẫn của Công văn 5214/SGDDT-QLCL ngày 04/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Bồi dưỡng học sinh có kết quả học tập và rèn luyện xếp loại chưa đạt.

+ Học sinh khối 9 có nguyện vọng ôn thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2026 – 2027; gồm các bộ môn Ngữ văn, Toán, môn thứ 3.

+ Giáo dục STEM, STEAM, kỹ năng sống...

- Thời gian thực hiện chương trình:

+ Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2025 đến hết ngày 17/01/2026; sơ kết học kỳ I vào ngày 22/1/2026, nộp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31/01/2026.

+ Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến hết ngày 30/5/2026; tổng kết năm học vào ngày 30/5/2026, nộp báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10/6/2026.

3.4. Định hướng xây dựng chương trình và tổ chức dạy học một số bộ môn

Thực hiện theo nội dung Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 5877/SGDDT-GDTrH ngày 22/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về việc ban hành Hướng dẫn chuyên môn một số môn học từ năm học 2025 – 2026; Công văn số 5874/SGDDT-GDTrH ngày 22/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp trung học cơ sở và trung học phổ

thông từ năm học 2025 – 2026. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá. Cụ thể như sau:

3.4.1. Môn Khoa học tự nhiên

- Tỷ lệ các phân môn khi xây dựng chương trình nhà trường:

Khối	Phân môn						Số tiết ôn tập, kiểm tra	Tổng số
	Lý		Hóa		Sinh			
	Số tiết	Tỷ lệ	Số tiết	Tỷ lệ	Số tiết	Tỷ lệ		
6	44	31,4	40	28,6	56	40	14	140
7	42	30	38	27,1	60	42,9	14	140
8	42	30	48	34,3	50	35,7	14	140
9	46	32,9	52	37,1	42	30	14	140

- Dạy học theo mạch nội dung kiến thức sách giáo khoa. Tăng cường thêm giáo dục STEM trong khung chương trình 140 tiết.

- Khối 8, 9 đảm bảo phân công đúng chuyên môn theo từng phân môn để giảng dạy; khối 6, 7 có thể phân công giáo viên đã được bồi dưỡng, cấp chứng chỉ để dạy cả bộ môn. Phân công giáo viên chủ trì theo khối, lớp:

Khối	Lớp	Giáo viên chủ trì	Nhiệm vụ	
6	6A1	Nguyễn Thị Thuỳ	Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ	
	6A2	Nguyễn Thị Thuỳ		
	6A3	Nguyễn Thị Thuỳ		
7	7A1	Nguyễn Thị Hằng		
	7A2	Nguyễn Thị Hằng		
	7A3	Nguyễn Thị Hằng		
8	8A1	Vũ Thị Kim Ngân		Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ
	8A2	Vũ Thị Kim Ngân		
	8A3	Vũ Thị Kim Ngân		
	8A4	Vũ Thị Kim Ngân		
9	9A1	Vũ Thuý Hải		
	9A2	Vũ Thuý Hải		
	9A3	Vũ Thuý Hải		

3.4.2. Môn Lịch sử và Địa lý

- Thực hiện dạy học song song 02 phân môn.

- Tỷ lệ phân các phân môn khi xây dựng chương trình nhà trường:

Khối	Phân môn				Ôn tập, kiểm tra	Tổng số tiết
	Lịch sử		Địa lý			
	Số tiết	Tỷ lệ	Số tiết	Tỷ lệ		
6	47	44,7	46	43,8	12	105
7	47	44,7	47	44,7	11	105
8	47	44,7	46	43,8	12	105
9	47	44,7	46	43,8	12	105

- Phân công giáo viên chủ trì theo khối, lớp:

Khối	Lớp	Giáo viên chủ trì	Nhiệm vụ
6	6A1	Vũ Mai Phương	Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo
	6A2	Vũ Mai Phương	
	6A3	Vũ Mai Phương	

7	7A1	Nguyễn Thị Lệ	đổi, đánh giá học sinh, học bạ
	7A2	Nguyễn Thị Lệ	
	7A3	Nguyễn Thị Lệ	
8	8A1	Nguyễn Thị Phương	Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ
	8A2	Nguyễn Thị Phương	
	8A3	Nguyễn Thị Phương	
	8A4	Nguyễn Thị Phương	
9	9A1	Nguyễn Thị Sâm	
	9A2	Nguyễn Thị Sâm	
	9A3	Nguyễn Thị Sâm	

Lưu ý: Sự thay đổi về địa giới hành chính các tỉnh, thành phố và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3.4.3. Môn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Thực hiện theo chủ đề của sách giáo khoa và thực hiện các loại hình hoạt động chủ yếu là: Sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động giáo dục theo chủ đề với thời lượng 97 tiết, 08 tiết dành cho ôn tập, kiểm tra. Cụ thể:

Khối	Bản thân		Xã hội		Tự nhiên		Hướng nghiệp		Ôn tập, kiểm tra		
	Số tiết	Tỉ lệ	Số tiết	Tỉ lệ	Số tiết	Tỉ lệ	Số tiết	Tỉ lệ	Số tiết	Tỉ lệ	
6	42	40	26	24,8	16	15,2	20	19	8	7,6	105
7	42	40	26	24,8	16	15,2	20	19	8	7,6	
8	42	40	26	24,8	16	15,2	20	19	8	7,6	
9	39	37,1	24	22,9	15	14,3	19	18,1	8	7,6	

- Quy mô: Lớp, khối lớp, toàn trường.

- Địa điểm: Trong lớp học, ngoài lớp học, trong nhà trường, ngoài nhà trường.

- Phân công giáo viên chủ trì:

Khối	Lớp	Giáo viên chủ trì	Nhiệm vụ
6	6A1	Vũ Thị Yên	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất các hình thức tổ chức hoạt động dạy và học. - Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ. - Thống nhất nội dung, yêu cầu đánh giá định kỳ, xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá.
	6A2	Nguyễn Thị Yên	
	6A3	Vũ Thị Yên	
7	7A1	Đàm Thị Thu Hằng	
	7A2	Đàm Thị Thu Hằng	
	7A3	Đàm Thị Thu Hằng	
8	8A1	Vũ Thúy Hải	
	8A2	Cao Thị Hạnh	
	8A3	Vũ Kim Ngân	
	8A4	Cao Văn Hiếu	
9	9A1	Vũ Thị Hiếu	
	9A2	Bùi Văn Long	

	9A3	Bùi Thị Huệ	- Thống nhất nội dung, yêu cầu đánh giá định kỳ, xác định cụ thể các tiêu chí đánh giá.
--	-----	-------------	---

Đặc biệt lưu ý:

Phân định rõ thời lượng dành cho hoạt động chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp và các Hoạt động giáo dục tập thể khác của nhà trường bảo đảm không trùng với thời lượng thực hiện các nội dung theo chương trình HD TNHN.

3.4.4. Nội dung Giáo dục địa phương

- Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần.
- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

- Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về lĩnh vực văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương; địa lý, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương; chính trị - xã hội, môi trường của địa phương và các vấn đề về tự bảo vệ bản thân (như cứu đuối nước...).

Tỉ lệ phân các phân môn khi xây dựng chương trình nhà trường:

Kh o i	Phân môn												Ôn t ậ p, ki ể m t r a	T o n g s ố t i ế t
	Sinh		Văn		Sử		Địa		GDCD		Âm nhạc			
	Số t i ế t	T ỉ l ệ	Số t i ế t	T ỉ l ệ	Số t i ế t	T ỉ l ệ	Số t i ế t	T ỉ l ệ	Số t i ế t	T ỉ l ệ	Số t i ế t	T ỉ l ệ		
6	0	0	4	11,4 0	8	22,8 0	11	31,6 0	8	22,8 0	0	0	4	35
7	0	0	7	20,2 0	8	22,8 0	4	11,4 0	8	22,8 0	4	11,4 0	4	35
8	4	11,4 0	3	8,80	12	34,2 0	4	11,4 0	4	11,4 0	4	11,4 0	4	35
9	0	0	8	22,8 0	15	43,0 0	0	0	8	22,8 0	0	0	4	35

- Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của thành phố Hải Phòng biên soạn.

- Phân công giáo viên chủ trì:

Khối	Lớp	Giáo viên chủ trì	Nhiệm vụ
6	6A1	Đàm Thị Thu Hà	Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ
	6A2	Đàm Thị Thu Hà	
	6A3	Đàm Thị Thu Hà	
7	7A1	Nguyễn Thị Sâm	
	7A2	Nguyễn Thị Sâm	
	7A3	Nguyễn Thị Sâm	
8	8A1	Vũ Mai Phương	Thống nhất điểm đánh giá thường xuyên với giáo viên cùng dạy, tổng hợp điểm, ghi điểm, nhận xét vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh, học bạ
	8A2	Vũ Mai Phương	
	8A3	Vũ Mai Phương	
	8A4	Vũ Mai Phương	
9	9A1	Bùi Thị Hằng	
	9A2	Bùi Thị Hằng	
	9A3	Bùi Thị Hằng	

- Lưu ý: Sự thay đổi về địa giới hành chính của xã, phường, đặc khu và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

3.4.5. Môn Tin học

- Dạy học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Lưu ý, tăng cường giáo dục STEM.

3.4.5. Môn Giáo dục công dân

- Dạy học theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cần lưu ý:
 - + Tác động của việc thay đổi địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.
 - + Giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học.
 - + An ninh, quốc phòng.
 - + Giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
 - + Thực hiện Phổ biến, giáo dục pháp luật; Giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội;
 - + Giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông, hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng Bình dân học vụ số;
 - + Giáo dục chuyên đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường, giáo dục bình đẳng giới...

3.4.6. Môn ngoại ngữ (Tiếng Anh).

Thực hiện theo Công văn 5874/SGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông năm học 2025 – 2026. Cần lưu ý:

- Xu hướng đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ 2 trong nhà trường.
- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:
 - + Với bài kiểm tra thường xuyên: Không sử dụng cố định một hình thức kiểm tra trong suốt học kỳ.
 - + Bài kiểm tra giữa kỳ: Kiểm tra các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, với tỉ lệ, mức độ theo hướng dẫn.
 - + Bài kiểm tra cuối kỳ có thêm phần kiểm tra kỹ năng nói và thời lượng kiểm tra không tính vào thời gian kiểm tra định kỳ. Đề kiểm tra tiếp cận với cấu trúc đề thi vào lớp 10 (đối với lớp 9).

3.4.7. Môn Giáo dục thể chất

Thực hiện dạy và học theo Công văn số 5868/SGDĐT-GDTrH ngày 22/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Trang phục giày dép của giáo viên và học sinh. Đối với học sinh, phối hợp với cha, mẹ học sinh may đủ 100% đồng phục thể thao, đi giày khi học bộ môn.
- Lựa chọn học sinh có năng khiếu để bồi dưỡng, tập luyện tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp. Quan tâm đến học sinh khuyết tật học hòa nhập.
- Tăng cường rèn ý thức tổ chức kỷ luật để giúp nhà trường duy trì nề nếp, kỷ cương.

3.4.8. Lòng ghép Quốc phòng và an ninh

Thực hiện theo Công văn 6373/SGDĐT-GDTrH ngày 09/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo, về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; quốc phòng, quân sự; phòng, chống khủng bố; phòng thủ dân sự năm học 2025 - 2026. Chỉ đạo thực hiện:

- Thực hiện lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, theo sách giáo khoa do nhà trường lựa chọn, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh ở từng địa phương, tập trung vào các môn học: Ngữ văn; Giáo dục công dân; Lịch sử

và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Nội dung giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- **Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 6 đến lớp 9:** Giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu nước của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước qua các thời kì lịch sử; bảo vệ chủ quyền biển, đảo; bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia; quyền lợi, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giới thiệu một số sự kiện lịch sử chống giặc ngoại xâm; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; giới thiệu một số nội dung về phòng, chống tệ nạn xã hội đối với học sinh; chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước.

- Chủ đề lồng ghép theo từng lớp

+ Lớp 6: Giới thiệu lịch sử và truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; địa danh lịch sử gắn với các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc; cách đánh mưu trí, sáng tạo của quân và dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

+ Lớp 7: Giới thiệu hoạt động, hình ảnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam; một số nội dung về bảo vệ thông tin cá nhân khi tham gia mạng xã hội; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật.

+ Lớp 8: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm; giới thiệu một số mốc quốc giới; tác hại của tệ nạn xã hội tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội; trách nhiệm của học sinh tham gia phòng, chống bạo lực học đường.

+ Lớp 9: Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam; một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thời lượng lồng ghép

Thời lượng lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông, kế hoạch giáo dục của các trường tiểu học và trường trung học cơ sở; bảo đảm đủ nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cần truyền đạt, **không làm tăng thời lượng học của các môn học và hoạt động giáo dục.**

3.5. Công tác chủ nhiệm lớp

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Mỗi học sinh giúp học sinh hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cốt lõi; có học vấn phổ thông cơ bản, toàn diện; có khả năng tự học, tự định hướng ban đầu, sẵn sàng học tiếp lên bậc học cao hơn hoặc tham gia lao động phù hợp. Khi tốt nghiệp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động. Có sức khỏe thể chất tốt.

Nhà trường giữ vững trường chuẩn mức độ 1, đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức độ 3, tiến tới xây dựng trường đạt chuẩn mức độ 2; xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quan trường học “Xanh – Sạch – Đẹp – An ninh – An

toàn”, không có bạo lực học đường, phấn đấu giữ vững trường thuộc top 100 về chất lượng giáo dục đại trà và về chất lượng mũi nhọn của cấp THCS.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kết quả học tập

Khối	Số số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số	522	195	37,35	225	43,10	100	19,16	02	0,39
Khối 6	120	45	37,5	40	33,33	34	28,33	1	0,84
Khối 7	115	50	43,47	50	43,47	15	13,06	0	0
Khối 8	155	50	32,25	75	48,38	29	18,73	1	0,64
Khối 9	132	50	37,87	60	45,45	22	16,68	0	0

2.1.2. Kết quả rèn luyện

Khối	Số số	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số	522	517	99,04	5	0,96	0	0	0	0
Khối 6	120	119	99,16	1	0,84	0	0	0	0
Khối 7	115	115	100	0	0	0	0	0	0
Khối 8	155	153	98,70	2	1,30	0	0	0	0
Khối 9	132	130	98,48	2	1,52	0	0	0	0

- Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập và xóa mù chữ đã đạt được.

- 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS.

- Học sinh giỏi thành phố

+ Thành lập đội dự tuyển thi học sinh giỏi thành phố 33 học sinh; đội tuyển chính thức đạt chỉ tiêu thành phố giao

+ Phần đầu có 70% trở lên đạt giải khi dự thi học sinh giỏi thành phố.

+ Phần đầu có học sinh đạt giải thể thao thành phố.

- Dự thi vào lớp 10 THPT

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS dự thi vào lớp 10 THPT đạt 83,32% trở lên (So với tổng số HS tốt nghiệp THCS);

+ Điểm trung bình 03 thi đạt **tối thiểu** 7, 2 điểm trở lên.

+ Kết quả trúng tuyển đạt 90% trở lên.

2.3. Các danh hiệu thi đua:

2.3.1. Đối với học sinh

+ “Học sinh xuất sắc”: 15/522 = 2,87%.

+ “Học sinh Giỏi”: 195/522 = 37,35%.

2.3.2. Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Chiến sĩ thi đua cơ sở : 3 đồng chí.

- Lao động tiên tiến: 18 đồng chí trở lên.

- Đề nghị UBND thành phố tặng bằng khen: 01 đồng chí.

- Đề nghị UBND phường tặng Giấy khen cho 03 đồng chí.

2.3.3. Đối với tập thể

+ Nhà trường: “Tập thể lao động tiên tiến”.

+ Chi bộ: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

+ Liên đội: Xếp loại Xuất sắc cấp phường.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Hoạt động chính khóa

HỌC KỲ I LỚP 6

MÔN/TUẦN		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Sử	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27
	Địa	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	40
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sinh											4	4	4	4	4	4	4	4	32
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	5
	CD	3	3	2	1	3	3	2	3	1	2	3	2	3	2	1	3	3	2	42
	SHL	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	2	0	0	0	7
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	522

HỌC KỲ II LỚP 6

MÔN/TUẦN		T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Sử	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	26
	Địa	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	44
	Sinh	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	24
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	4
	CD	3	1	2	3	2	3	3	2	2	2	3	2	2	3	3	2	2	40
	SHL	0	2	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	1	0	7
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	493

HỌC KỲ I LỚP 7

MÔN/TUẦN		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Sử	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	27
	Địa	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2									38
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4	4	4	4	4	4	4	4	34
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	5
	CD	3	3	1	3	3	3	1	3	3	1	3	3	3	1	3	3	3	1	44
	SHL	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	5
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	522

HỌC KỲ II LỚP 7

MÔN/TUẦN		T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Sử	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	26
	Địa	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8
	Sinh	0	0	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	60
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	4
	CD	3	3	1	3	3	3	3	2	2	3	3	1	3	3	3	2	2	43
	SHL	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	4
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	493

HỌC KỲ I LỚP 8

MÔN/TUẦN		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Sử	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27
	Địa	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	48
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	4	4	4	4	24
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	5
	CD	3	3	1	3	3	2	1	3	3	2	2	3	2	2	3	3	3	0	42
	SHL	0	0	1	0	0	1	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	2	7
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	522

HỌC KỲ II LỚP 8

MÔN/TUẦN		T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDCCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Sử	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	2	26
	Địa	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	1	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Lý	4	4	4	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	18
	Sinh					2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	50
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	4
	CD	3	3	2	1	3	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	2	2	42
	SHL	0	0	0	2	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	5
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510

HỌC KỲ I LỚP 9

MÔN/TUẦN		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	Tổng thời lượng/môn
Ngữ văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
GDCD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Lịch sử và Địa lý	Sử	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	27
	Địa	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	27
Khoa học tự nhiên	Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4	4	4	4	4	4	26
	Lý	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	2	0	0	0	0	0	0	46
	Sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	35
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	5
	CD	3	3	2	2	3	3	2	3	2	2	3	2	3	2	3	2	3	2	45
	SHL	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	4
GDDP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	29	539

HỌC KỲ II LỚP 9

MÔN/TUẦN		T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	Tổng thời lượng/môn
Văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Tiếng Anh		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
GDGD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Lịch sử và Địa lý	Sử	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	26
	Địa	1	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	25
Khoa học tự nhiên	Hóa	4	4	4	4	4	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	26
	Lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sinh	0	0	0	0	0	0	2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	42
Công nghệ		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
GDTC		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Nghệ thuật	ÂN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
	MT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HDTN, HN	SHDC	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	4
	CD	2	3	2	3	2	3	3	2	2	3	3	1	3	3	3	2	2	42
	SHL	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	5
GDĐP		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết bắt buộc/ tuần		29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	493

Ghi chú:

- Các buổi nghỉ do tổ chức các hoạt động của Nhà trường, được dạy bù ở tuần kế tiếp.
- Các tiết nghỉ của giáo viên do được phân công tham gia các hoạt động ngoài nhà trường, được bố trí giáo viên đúng chuyên môn dạy thay hoặc giáo viên đó đổi tiết cho giáo viên khác, sau đó lấy lại tiết để dạy hoặc bố trí phương án phù hợp với Thông tư 05 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, ngoại khóa ngoài chương trình giáo dục chính khóa

2.1. Nhà trường

Xây dựng và triển khai các kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn học sinh các kỹ năng sống liên quan đến:

- An toàn giao thông: 02 lần/ năm học.

- Phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng, chống tai nạn thương tích: 01 lần/năm học.

- Ma túy, thuốc lá điện tử: 01 lần/năm học.

- Trải nghiệm ngoại khóa tại các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước ở trong và ngoài thành phố: 01 lần/ năm học.

2.2. Chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa để giáo dục học sinh. Cụ thể như sau:

2.2.1. Tổ Khoa học tự nhiên

Khối 6,7,8,9 Số học sinh: 522

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Hoạt động tập thể: " Hội khỏe Phù Đổng "	- Giáo dục cho HS ý nghĩa của ngày Hội khỏe Phù Đổng. - Giúp cho HS phát triển toàn diện cả về thể chất và trí tuệ. - Phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các nhân tài thể thao cho đất nước.	04	Tuần 15 Tháng 12/2025	Sân trường	Nhóm GDTC; Tổ KHTN,	Tổng phụ trách, Bí thư đoàn thanh niên, GVCN	Loa đài, Cờ, biển lớp, cầu lông, cờ vua, bóng chuyền

Khối 6

Số học sinh: 120

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Hoạt động ngoại khóa " Thiên nhiên kì thú "	- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên. - Sử dụng được khóa lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh	03	Tuần 25	Sân trường, sân bóng, cụm dân cư...	Nhóm KHTN, tổ KHTN	Tổng phụ trách, GVCN	- Kính lúp cầm tay, máy ảnh, găng tay bảo hộ, sổ và bút ghi chép, Panh, Vợt bắt sâu bọ, Vợt bắt động vật

		về các nhóm sinh vật. - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.						thủy sinh, Hộp nuôi sâu bọ, Bể kính hoặc hộp chứa mẫu sống. - Phiếu quan sát thực vật, động vật.
--	--	---	--	--	--	--	--	---

Khối 6, 7

Số học sinh: 235

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Hoạt động ngoại khóa “ Xanh cho hôm nay – Sạch cho ngày mai ”	- Giáo dục cho HS hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. - Giáo dục cho HS thói quen và kỹ năng sống xanh. - Giáo dục cho HS tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.	03	Tuần 1 Tháng 9/2025	Sân, vườn trường	Nhóm Công nghệ; Tổ KHTN	Tổng phụ trách, Bí thư đoàn thanh niên, GVCN	- Cây xanh, cây hoa. - Dụng cụ: Cuốc, xẻng, dao, kéo, bình tưới, găng tay...
2	Câu lạc bộ “ Em yêu Toán học ”	- Giáo dục cho HS yêu thích môn Toán, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn.	03	Tuần 18 Tháng 1/2026	Hội trường	Nhóm Toán; Tổ KHTN	Tổng phụ trách, Bí thư đoàn thanh niên, GVCN	Bộ câu hỏi, trò chơi, lịch sử toán học,...

Khối 8

Số học sinh: 155

TT	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Số tiết	Thời điểm	Địa điểm	Chủ trì	Phối hợp	Điều kiện thực hiện
1	Hoạt	- Giáo dục cho HS	3	Tuần	Khuôn	Nhóm	Tổng phụ	Máy tính

động ngoại khoá “ Thiết kế LOGO về an toàn giao thông ”	nâng cao nhận thức về trách nhiệm của bản thân về ý thức tham gia giao thông. - Giáo dục cho HS tình yêu yêu quê hương, đất nước, có văn hóa giao thông.		12 Tháng 11/2025	viên trường	Tin học; Tổ KHTN	trách, Bí thư đoàn thanh niên, GV mỹ thuật, GVCN	giấy,màu. - Dụng cụ: Giá vẽ, giấy, màu.,bút dạ..
---	--	--	------------------------	----------------	---------------------------------	---	---

2.2.2. Tổ Khoa học xã hội

Khối lớp: 6 ; Số học sinh: 120

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Sinh hoạt tập thể: “ Ngày hội kể chuyện theo sách ” (Chuyện kể về những người anh hùng; Thế giới cổ tích.)	- <i>Về kiến thức:</i> + Nắm chắc các tri thức về kiểu văn bản truyền thuyết, cổ tích. + Hiểu được ý nghĩa giáo dục của kho tàng truyện cổ dân gian. - <i>Về năng lực:</i> + Năng lực chung: Thuyết trình, thuyết minh, giao tiếp, tự lực, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo,... + Năng lực riêng: Ngôn ngữ, cảm thụ, thẩm mỹ,... - <i>Về phẩm chất:</i> + Giáo dục và phát huy truyền thống yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc. + Yêu quý, trân trọng và bảo vệ vẻ đẹp của quê	4	Tháng 5/2026	Hội trường	Nhóm Ngữ văn	GVCN HS	- Máy chiếu - Thiết bị sân khấu - Trang phục, phụ kiện,...

		<p>hương, đất nước, con người Việt Nam.</p> <p>+ Giáo dục lối sống nhân ái, hướng thiện</p>						
2	<p>Học tập trải nghiệm: “Hải Phòng- tự hào miền đất danh nhân”</p>	<p><i>-Về kiến thức:</i></p> <p>+ Những hiểu biết về danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi</p> <p>+ Vẻ đẹp kiến trúc, ý nghĩa văn hóa của khu di tích đền thờ Nguyễn Bình Khiêm và khu di tích Côn Sơn.</p> <p><i>-Về năng lực:</i></p> <p>+ Năng lực chung: Thuyết trình, thuyết minh, giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo,...</p> <p>+ Năng lực riêng: Ngôn ngữ, cảm thụ, thẩm mỹ,...</p> <p><i>-Về phẩm chất:</i></p> <p>+ Giáo dục và phát huy truyền thống văn hóa, hiếu học, yêu nước của quê hương Hải Phòng, niềm tự hào, tự tôn dân tộc.</p> <p>+ Yêu quý, trân trọng và bảo vệ vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người Việt Nam.</p>	4	Tháng 12/2025	<p>- Khu di tích lịch sử Đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm</p> <p>-Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Côn Sơn - Kiếp Bạc.</p>	Nhóm HDTN- HN	TPT PHHS	- Kinh phí đi trải nghiệm do phụ huynh hỗ trợ

Khối lớp: 7 ; Số học sinh: 115

Rung chuông Vàng	<p>- Về kiến thức: Kiến thức của bộ môn tiếng Anh và các môn học trong nhà trường.</p> <p>- Về năng lực: + Năng lực chung: giao tiếp, tự học, tìm hiểu các vấn đề xã hội, năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề. + Năng lực riêng: sử dụng ngôn ngữ.</p> <p>- Về phẩm chất: + Yêu nước: tự hào về nét đẹp trong truyền thống dân tộc. + Trách nhiệm: xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa của dân tộc.</p>	04	Tháng 2/2026	Hội trường	Nhóm Tiếng Anh	Tổ KHXH Tổng phụ trách, Bí thư đoàn thanh niên, GVCN.	Kinh phí về Loa đài, sân khấu, phục trang
-------------------------	--	----	--------------	------------	----------------	---	---

Khối lớp: 8 ; Số học sinh: 155

Học tập trải nghiệm: Tham quan, tìm hiểu về di tích lịch sử đình Hoà Lạc, Hồ 108, chùa Sùng Nguyên (phường Thiên Hương-	<p>- Về kiến thức: + Những hiểu biết về lịch sử hình thành, đặc điểm kiến trúc, ý nghĩa văn hóa, lịch sử của các di tích lịch sử đình Hoà Lạc, Hồ 108, chùa Sùng Nguyên.</p> <p>- Về năng lực: + Năng lực chung: Thuyết trình, thuyết minh, giao tiếp, tự</p>	04	Tháng 4/2026	- di tích lịch sử Đình Hoà Lạc - Di tích lịch sử Hồ 108, chùa Sùng Nguyên	Nhóm Lịch sử địa lý, Giáo dục công dân – GDDP	TPT PHHS	- Kinh phí đi trải nghiệm do phụ huynh hỗ trợ.
--	---	----	--------------	--	--	----------	--

Hải Phòng)	<p>học, giải quyết vấn đề, sáng tạo,...</p> <p>+ Năng lực riêng: Ngôn ngữ, cảm thụ, thẩm mỹ,...</p> <p>-Về phẩm chất:</p> <p>+ Giáo dục và phát huy truyền thống văn hóa, hiếu học, yêu nước của quê hương Lâm Động, niềm tự hào, tự tôn dân tộc.</p> <p>+ Yêu quý, trân trọng và bảo vệ vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người Việt Nam.</p>						
-------------	--	--	--	--	--	--	--

Khối lớp 9 ; Số học sinh: 132

<p>Sinh hoạt tập thể:</p> <p>“Tư liệu thực tế và sáng tác cùng với các di tích văn hoá, lịch sử”</p> <p>(Cho học sinh thăm quan di tích lịch sử hồ 108, đình Hoà Lạc, chùa Sùng Nguyên.</p> <p>Học sinh tìm hiểu về các di tích, văn</p>	<p><i>Về kiến thức</i></p> <p>– Vận dụng được kiến thức từ bài kí hoạ dáng người cho bài học.</p> <p>– Có ý thức rèn luyện vẽ dáng người, cảnh vật để nâng cao kĩ năng trong học tập.</p> <p><i>Về năng lực:</i></p> <p>- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập và hoàn thiện bài thực hành.</p> <p>- Biết trao đổi, thảo luận trong quá trình học, thực hành, trưng bày chia sẻ nhận</p>	04	Tháng 9/2025	Di tích văn hoá lịch sử hồ 108, đình Hoà Lạc, chùa Sùng Nguyên.	Giáo viên nhóm Nghệ thuật	GVCN HS	<p>- Loa kéo</p> <p>- Thiết bị, dụng cụ: bảng vẽ, giấy vẽ theo nhóm A3, cá nhân giấy A4, màu, chì, than củi.</p> <p>- Trang phục học sinh</p>
---	--	----	--------------	---	----------------------------------	---------	---

	<p>nghệ tập thể (hát), đất nước và vẽ tranh về di tích văn hoá.)</p>	<p>xét sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết dùng vật liệu và công cụ, họa phẩm để thực hành tạo SPMT. - Biết quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của di tích; nắm được những đặc điểm, hình dáng, nét đặc trưng về cấu trúc, tỉ lệ; ghi nhớ, cảm thụ vẻ đẹp từ hình ảnh, màu sắc, sự chuyển động của hình ảnh trong không gian thông qua hình khối, màu sắc. - <i>Sáng tạo và ứng dụng mỹ thuật:</i> thực hiện được bài thực hành vẽ về di tích văn hoá qua cảm nhận của cá nhân bằng các yếu tố tạo hình chấm, nét, hình, mảng, màu sắc,... trong SPMT. - Biết trưng bày, phân tích, nhận xét, đánh giá vẻ đẹp của sản phẩm; nêu được hướng phát triển mở rộng thêm sản phẩm bằng nhiều chất liệu; biết phân tích những giá trị thẩm mỹ trên sản phẩm của nhóm. <p><i>Về phẩm chất</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần bồi dưỡng tinh thần 					
--	--	--	--	--	--	--	--

		yêu nước và nhân ái, \đức tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. - Xây dựng tình yêu thương, đoàn kết, trách nhiệm với bạn bè qua hoạt động nhóm. - Cảm nhận được cái đẹp, thể hiện tình yêu, trách nhiệm của mình với cộng đồng, quê hương, đất nước.						
--	--	---	--	--	--	--	--	--

3. Bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh yếu kém

3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi

Tháng 8. Dựa trên năng lực và nguyện vọng của học sinh thành lập đội dự tuyển thi học sinh thành phố. Cuối tháng 10 tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường, trên cơ sở đó thành lập đội tuyển chính thức, tiếp tục bồi dưỡng tham gia dự thi cấp thành phố.

Tiêu chí lựa chọn: phẩm chất, năng lực của học sinh, sở trường, sở thích môn học của học sinh.

Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng. Có chế độ tính tiết dạy theo Thông tư 05 và khen thưởng kịp thời.

3.2. Bồi dưỡng học sinh yếu kém

Đầu học kỳ II, yêu cầu giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh có kết quả học tập được đánh giá chưa đạt; trên cơ sở đó Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng và kiên trì, nhiệt tình phụ trách bồi dưỡng.

4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh

- Thực hiện theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - Linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá: Hỏi đáp, viết, sản phẩm học tập, dự án...
 - Các bài kiểm tra, đánh giá (trừ các môn đánh giá Đạt, Không đạt) của khối 9 tăng cường chuyển sang cấu trúc như đề thi vào lớp 10 THPT, đề thi HSG. Khối 6, 7 tăng tỉ lệ trắc nghiệm, giảm tỉ lệ tự luận (trừ môn Ngữ văn) theo hướng dẫn chung của Sở Giáo dục và Đào tạo.

4.1. Số lượng bài kiểm tra

- Theo Thông tư 22 và Hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Cụ thể
- + Các môn KHXH

STT	MÔN	LỚP	HỌC KỲ I			HỌC KỲ II		
			ĐDG tx	ĐDG gk	ĐDG ck	ĐDG tx	ĐDG gk	ĐDG ck
1		6	4	1	1	4	1	1

	Ngữ văn	7	4	1	1	4	1	1
		8	4	1	1	4	1	1
		9	4	1	1	4	1	1
2	Giáo dục công dân	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1
		9	2	1	1	2	1	1
3	Tiếng Anh	6	4	1	1	4	1	1
		7	4	1	1	4	1	1
		8	4	1	1	4	1	1
		9	4	1	1	4	1	1
4	Nghệ thuật	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1
		9	2	1	1	2	1	1
5	Lịch sử và Địa lí	6	4	1	1	4	1	1
		7	4	1	1	4	1	1
		8	4	1	1	2	1	1
		9	4	1	1	2	1	1
6	Nội dung Giáo dục địa phương	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1
		9	2	1	1	2	1	1
7	HDTNHN	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1

		9	2	1	1	2	1	1
--	--	---	---	---	---	---	---	---

+ Các môn KHTN

STT	MÔN	LỚP	HỌC KỲ I			HỌC KỲ II		
			ĐDG tx	ĐDG gk	ĐDG ck	ĐDGtx	ĐDG gk	ĐDG ck
1	Toán	6	4	1	1	4	1	1
		7	4	1	1	4	1	1
		8	4	1	1	4	1	1
		9	4	1	1	4	1	1
2	Công nghệ	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	3	1	1	3	1	1
		9	3	1	1	3	1	1
3	Giáo dục thể chất	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1
		9	2	1	1	2	1	1
4	Khoa học tự nhiên	6	4	1	1	4	1	1
		7	4	1	1	4	1	1
		8	4	1	1	4	1	1
		9	4	1	1	4	1	1
5	Tin học	6	2	1	1	2	1	1
		7	2	1	1	2	1	1
		8	2	1	1	2	1	1
		9	2	1	1	2	1	1

4.2. Thời lượng, hình thức kiểm tra đánh giá

STT	MÔN	KHỐI	THỜI LƯỢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ	HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
-----	-----	------	--------------------------------------	-----------------------------

1	Toán	6	90 phút	KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		7		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		8		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		9		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp, Viết trên giấy – TNKQ 100%
2	Khoa học tự nhiên	6	90 phút	KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		7		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		8		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		9		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
3	Tin học	6	45 phút	KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Thực hành; Viết trên giấy
		7		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp, sản phẩm học tập, Viết trên giấy
		8		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Thực hành
		9		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Thực hành

4	Công nghệ	6	45 phút	KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Sản phẩm học tập
		7		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập
		8		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Sản phẩm học tập; Viết trên giấy
		9		KT định kì: Viết trên giấy – TNKQ: 70% - TL: 30% KTTX: Hỏi đáp; Viết trên giấy; Sản phẩm học tập.
5	GDTC	6	45 phút	KT định kì: Thực hành KTTX: Hỏi đáp, Thực hành
		7		KT định kì: Thực hành KTTX: Hỏi đáp, Thực hành
		8		KT định kì: Thực hành KTTX: Hỏi đáp, Thực hành
		9		KT định kì: Thực hành KTTX: Hỏi đáp, Thực hành
6	Ngữ văn	6	90 phút	- KTĐG TX: Trắc nghiệm khách quan, dự án, sản phẩm kể chuyện.... - KTĐG định kì: 100% Tự luận
		7		
		8		
		9		
7	Lịch sử - Địa lý	6	90 phút	- KTĐG TX: Trắc nghiệm khách quan, dự án, sơ đồ, biểu đồ - KTĐG định kì: Kết hợp TN+TL (70% TN+ 30% TL)
		7		
		8		
		9		
8	Tiếng Anh	6	60 phút	- KTĐG TX: Trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận, bài nói, sản phẩm học tập.... - KTĐG định kì: Kết hợp TN+TL (70% TN+ 30% TL)
		7		
		8		
		9		
9	Nghệ thuật	6	90 phút	- KTĐG TX: Thực hành - KTĐG định kì: 100% Thực hành
		7		

		8		
		9		
10	GDDP	6	45 phút	- KTĐG TX: vấn đáp, trắc nghiệm, sơ đồ... - KTĐG định kì: báo cáo, thuyết trình, nộp sản phẩm dự án
		7		
		8		
		9		
11	HĐTNHN	6	90 phút	- KTĐG TX: báo cáo sản phẩm... - KTĐG định kì: báo cáo, thuyết trình, nộp sản phẩm dự án
		7		
		8		
		9		

4.3. Tiến độ kiểm tra, đánh giá

- Các môn KHTN:

S T T	Môn	Kh o i	HỌC KỲ I						HỌC KỲ II					
			ĐDGtx		ĐDGgk		ĐDGck		ĐDGtx		ĐDGgk		ĐDGck	
			Tuần	Tiết	Tuần	Tiết	Tuần	Tiết	Tuần	Tiết	Tuần	Tiết	Tuần	Tiết
1	Toán	6	4;11; 15	15; 41; 59	9	35;36	17	66; 67	22;25; 31	88;97; 122	27	108	34	135; 136
		7	5 7 11	20 27 43	9	33;34	17	65; 66	21 23 31	84 92 124	27	105; 106	34	134; 135
		8	5 12 14	20 48 53	9	33;34	17	65; 66	23 25 31	92 98 123	27	105; 106	34	135; 136
		9	6 12 15	23 48 58	9	34; 35	17	67; 68	22 24 30	88 93 119	27	105; 106	34	133; 134
5	Công nghệ	6	7	7	9	9	17	17	25	25	27	27	34	34
		7	6	6	9	9	17	17	23	23	27	27	34	34
		8	5 15	5 15	9	9	11	17	21 29	23 40	27	36	34	49
		9	5 15	9 30	9	18	17	34	23 31	40 48	27	44	34	51
7	Giáo dục thể chất	6	5	10	8	15	16	32	22	43	26	52	33	66
		7	5	10	8	15	16	32	22	43	26	52	33	66
		8	5	9	8	16	16	32	22	43	26	52	33	66
		9	5	9	8	16	16	32	22	43	26	52	33	66

8	Kh oa họ c tự nhi ên	6	5 7 14	18 28 54	9	35;36	17	67; 68	20 29 31	78 115 123	27	105; 106	34	133; 134
		7	5 12 15	20 47 60	9	34;35	17	67; 68	25 30 32	97 119 128	27	105; 106	34	135; 136
		8	6 12 15	21 48 58	9	33;34	17	67; 68	21 29 32	83 115 128	27	105; 106	34	135; 136
		9	2 5 15	8 20 60	9	34;35	17	67; 68	23 29 32	91 114 128	27	105; 106	34	135; 136
9	Ti n họ c	6	12	12	9	9	17	17	24	24	27	27	34	34
		7	5	5	9	9	17	17	22	22	27	27	34	34
		8	5	5	9	9	17	17	23	23	27	27	34	34
		9	5	5	9	9	17	17	22	22	27	27	34	34

- Các môn KHXH

ST T	Môn	Khố i	HỌC KỲ I						HỌC KỲ II					
			ĐDGtx		ĐDGgk		ĐDGck		ĐDGtx		ĐDGgk		ĐDGck	
			Tuần	Tiết	Tu ần	Tiết	Tu ần	Tiết	Tu ần	Tiết	Tu ần	Tiết	Tu ần	Tiết
1	Ngữ văn	6	5,11, 15		9	33, 34	17	67, 68	22, 25, 30		27	105, 106	34	135,136
		7	5,11, 15		9	33, 34	17	67, 68	22, 25, 30		27	105, 106	34	135,136
		8	5,11, 15		9	33, 34	17	67, 68	22, 25, 30		27	105, 106	34	135,136
		9	5,11, 15		9	33, 34	17	67, 68	22, 25, 30		27	105, 106	34	135,136
2	GD CD	6	7		9	9	17	17	25		27	27	34	34
		7	7		9	9	17	17	25		27	27	34	34
		8	7		9	9	17	17	25		27	27	34	34
		9	7		9	9	17	17	25		27	27	34	34
3	Tiên g Anh	6	5,10, 15		9	25, 26	17	50, 51	20, 25, 30		27	78,80	34	101,102
		7	5,10, 15		9	25, 26	17	50, 51	20, 25, 30		27	78,80	34	101,102

		8	5,10, 15		9	25, 26	17	50, 51	20, 25, 30		27	78,80	34	101,102
		9	5,10, 15		9	25, 26	17	50, 51	20, 25, 30		27	78,80	34	101,102
4	Ngh ệ thuậ t	6	5		8	8	16	16	21		26	26	33	33
		7	5		8	8	16	16	21		26	26	33	33
		8	5		8	8	16	16	21		26	26	33	33
		9	5		8	8	16	16	21		26	26	33	33
5	LS- ĐL	6	8,14		9	14, 14	17	25, 26	23, 28		27	40,41	34	52,51
		7	6,14		9	14, 13	17	25, 26	23, 28		27	41,40	34	51,51
		8	8,15		9	13, 14	17	26, 26	23, 28		27	40,41	34	51,50
		9	6,15		9	14, 14	17	25, 26	23, 28		27	41,40	34	51,51
6	GD ĐP	6	12		8	8	16	16	25		26	26	33	33
		7	12		8	8	16	16	25		26	26	33	33
		8	12		8	8	16	16	25		26	26	33	33
		9	12		8	8	16	16	25		26	26	33	33

IV. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM HỌC 2025-2026

1. Khung kế hoạch thời gian năm học

- Ngày tựu trường: 25/8/2025, đối với khối 9; 29/8/2025, đối với khối 6, 7, 8.
- Ngày khai giảng: 05/9/2025 (thứ 6).
- Học kỳ 1: Từ 08/9/2025 đến 17/01/2026 (18 tuần thực học).
- Học kỳ 2: Từ 19/01/2026 đến 23/5/2026 (17 tuần thực học).
- Kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.
- Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 30/6/2026
- Phối hợp làm công tác tuyển sinh vào lớp 10, tuyển sinh vào lớp 6 trước ngày 31/7/2026.

2. Các hoạt động theo tháng, tuần

Tuần TH chương trình	Thời gian	Những hoạt động trọng tâm
Học kì I		
1	Từ 05/9 đến 13/9/2025	- Khai giảng năm học 2025 – 2026 - Học theo TKB chính thức. - Đưa Chương trình nhà trường lên hệ thống quản lý chuyên môn. Ổn định tổ chức lớp học. - Tổ chức Hoạt động ngoại khoá “ Xanh cho hôm nay –

		Sạch cho ngày mai” cho HS khối 6, 7.
2	Từ 15/9 đến 20/9	- Học theo TKB chính thức - Sinh hoạt tổ chuyên môn, thiết kế bài giảng E - Learning
3	Từ 22/9 đến 27/9	- Học theo TKB chính thức. - Xây dựng và triển khai kế hoạch ôn thi vào lớp 10 năm học 2026 – 2027 sau khi đã thống nhất với cha mẹ học sinh. - Đại hội chi đội. - Tổ chức tuyên truyền về an toàn giao thông (27/9 - lần 1). - Họp cha mẹ học sinh đầu năm (28/9). - Hoàn thiện ý tưởng đề án KHKT. - Sinh hoạt tập thể: “Tư liệu thực tế và sáng tác cùng với các di tích văn hoá, lịch sử” cho HS khối 9.
4	Từ 29/9 đến 4/10	- Học theo TKB chính thức. - Đại hội Liên đội. - Bắt đầu dạy và học ôn thi vào lớp 10 THPT năm học 2026 – 2027.
5	Từ 06/10 đến 11/10	- Học theo TKB chính thức - Sinh hoạt chuyên môn (09/10) theo hướng nghiên cứu bài học, giáo dục STEM.
6	Từ 13/10 đến 18/10	- Học theo TKB chính thức - Sinh hoạt chuyên môn (17/10): Nghiên cứu bài học, STEM. - Đăng ký tuần thi đua “Học tốt” chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam - Kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam (18/10).
7	Từ 20/10 đến 25/10	- Học theo TKB chính thức. - Thi học sinh giỏi cấp trường
8	Từ 27/10 đến 01/11	- Học theo TKB chính thức. - Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ I các môn GDĐP, Nghệ thuật, GDTC, HĐTNHN.
9	Từ 04/11 đến 10/11	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn (07/11): Nghiên cứu bài học, bài dạy STEM. - Kiểm tra giữa kỳ I các môn còn lại.
10	Từ 10/11 đến 15/11	- Học theo TKB chính thức - Đăng ký tuần thi đua “Dạy tốt – Học tốt”. - Sinh hoạt chuyên môn : Nghiên cứu bài học, bài dạy STEM (13/11). - Hoàn thiện các dự án cuộc thi KHKT để tham dự vòng sơ khảo.
11	Từ 17/11 đến 22/11	- Học theo TKB chính thức. - Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11).
12	Từ 24/11 đến 29/11	- Học theo TKB chính thức. - Tham dự vòng sơ khảo cuộc thi KHKT (26/11). - Hoạt động ngoại khoá “ Thiết kế LOGO về an toàn giao thông ” cho HS khối 8.
13	Từ 01/12 đến 06/12	- Học theo TKB chính thức

14	Từ 08/12 đến 13/12	- Học theo TKB chính thức. - Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường (13/12). - Sinh hoạt chuyên môn: Nghiên cứu bài học; STEM (12/12).
15	Từ 15/12 đến 20/12	- Học theo TKB chính thức - Tập trung ôn tập chuẩn bị KTCKI. Kiểm tra cuối kỳ. - Sinh hoạt chuyên môn: Nghiên cứu bài học; STEM (19/12). - Tham dự vòng chung khảo cuộc thi KHKT (nếu có). - Học tập trải nghiệm: “ Hải Phòng- tự hào miền đất danh nhân ” cho HS khối 6.
16	Từ 22/12 đến 27/12	- Học theo TKB chính thức - Tập trung ôn tập chuẩn bị KTCKI. Kiểm tra cuối kỳ. - Kiểm tra cuối kỳ I: GDĐP, Nghệ thuật, GDTC, HĐTNNH.
17	Từ 29/12/2024 đến 03/01/2026	- Học theo TKB chính thức . - Kiểm tra cuối kỳ I các môn còn lại.
18	Từ 05/01 đến 10/01	- Hoàn thiện việc kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I. - Chuẩn bị sơ kết học kỳ I.
	Từ 12/01 đến 17/01	- Thi HSG cấp thành phố (12/01). - Hoàn thiện thông tin lên CSDL để báo cáo về phường, sở. - Hoàn thành chương trình học kỳ I, triển khai dạy và học chương trình học kỳ II. - Họp cha mẹ học sinh giữa năm. - Tổ chức cho HS khối 6, 7 đi trải nghiệm ngoại khóa.
Học kỳ II		
19	Từ 19/01 đến 24/01	- Sơ kết học kỳ I. Dạy và học chương trình học kỳ II - Tuyên truyền về an toàn giao thông (17/01/2026).
20	Từ 26/01 đến 31/01	- Học theo TKB chính thức. - Đăng ký tuần thi đua “Học tốt”
21	Từ 02/02 đến 07/02	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn: Nghiên cứu bài học, STEM (05/02).
22	Từ 09/02 đến 14/02	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn: Nghiên cứu bài học, STEM (12/02).
	Từ 16/2 đến 21/2	- Nghỉ tết Nguyên đán (dự kiến).
23	Từ 23/02 đến 18/02	- Học theo TKB chính thức. - Tổ chức chương trình Rung chuông vàng cho HS khối 7.
24	Từ 02/3 đến 07/03	- Học theo TKB chính thức. - Đăng ký tuần “Dạy tốt – Học tốt”. - Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ (08/3). - Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ. - Tham gia thi giải Toán và KHTN bằng tiếng Anh (03/3)
25	Từ 09/03 đến 14/03	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn (12/3): Nghiên cứu bài học, chủ đề STEM. - Hoạt động ngoại khóa “ Thiên nhiên kì thú ” cho HS khối 6.
26	Từ 17/03 đến 23/03	- Học theo TKB chính thức. - Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ. Kiểm tra NDGDĐP, Nghệ thuật, GDTC, HĐTNNH.

		- Sinh hoạt chuyên môn (19/3): Nghiên cứu bài học, chủ đề STEM. - Tham gia thi GVDG cấp thành phố (17, 18/3)
27	Từ 24/03 đến 30/03	- Học theo TKB chính thức. - Ôn tập, kiểm tra giữa kỳ các môn còn lại.
28	Từ 30/03 đến 04/4	- Học theo TKB chính thức. - Tổ chức cho HS khối 8, 9 đi trải nghiệm ngoại khóa.
29	Từ 06/4 đến 11/4	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, STEM (09/4). - Tham gia cuộc thi Robotics.
30	Từ 13/4 đến 18/4	- Học theo TKB chính thức. - Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, STEM (16/4).
31	Từ 20/4 đến 25/4	- Học theo TKB chính thức. - Học tập trải nghiệm: Tham quan, tìm hiểu về di tích lịch sử đình Hoà Lạc, Hồ 108, chùa Sùng Nguyên cho HS khối 8.
32	Từ 27/4 đến 02/5	- Học theo TKB chính thức - Ôn tập chuẩn bị KTCKII. - Nghỉ 30/4, 01/5.
33	Từ 04/5 đến 09/5	- Học theo TKB chính thức - Ôn tập kiểm tra cuối kỳ II các môn Nghệ thuật, GDĐP, GDTC, HĐTNHN.
34	Từ 11/5 đến 16/5	- Học theo TKB chính thức; - Ôn tập, kiểm tra cuối kỳ II các môn còn lại.
35	Từ 18/5 đến 23/5	- Học theo TKB chính thức. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa: “Ngày hội kể chuyện theo sách” (Chuyện kể về những người anh hùng; Thế giới cổ tích.) cho HS khối 6. - Chuẩn bị tổng kết năm học. - Họp cha mẹ học sinh cuối năm.
	25/5 đến 31/5/2025	- Dạy bù, kết thúc HKII. - Tổng kết năm học, hoàn thiện các loại hồ sơ, báo cáo năm học. Hoàn thiện dữ liệu lên CSDL, thực hiện báo cáo cuối năm học.

3. Công tác thi đua, khen thưởng

Phát động 02 đợt thi đua/năm học:

- Đợt I: từ 05/9/2025 đến hết ngày 10/01/2026.

- Đợt II: từ ngày 12/01/2026 đến hết ngày 23/5/2026.

Việc bình xét thi đua, Hội đồng thi đua, khen thưởng căn cứ vào Nội dung thi đua của Nhà trường và các tiêu chí đánh giá, xếp loại viên chức.

4. Quy định thời gian học

Tiết dạy và học/hoạt động	Buổi sáng	Buổi chiều	Ghi chú
Xếp hàng, tập thể dục vào lớp học	Từ 7h00 đến 7h15		- Buổi sáng: Học nội dung theo chương trình GDPT

1	Từ 7h15 đến 8h00	Từ 14h00 đến 14h45	2018. - Buổi chiều: + Tổ chức các hoạt động như giáo dục STEM, KNS... (nếu có). + Ôn tập thi vào lớp 10 THPT, bồi dưỡng HSG...
2	Từ 8h05 đến 8h50	Từ 14h50 đến 15h35	
Giải lao giữa buổi	Từ 8h50 đến 9h05	
3	Từ 9h05 đến 9h50	
4	Từ 9h55 đến 10h40	
5	Từ 10h45 đến 11h30	

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Hiệu trưởng

- Chịu trách nhiệm trước UBND phường, Sở Giáo dục và Đào tạo về toàn bộ hoạt động của nhà trường.

- Quản lý và điều hành mọi hoạt động của nhà trường; triệu tập và chủ tọa các hoạt động của nhà trường; tổ chức chỉ đạo triển khai các chủ trương của Đảng, Nhà nước và các cấp tới CBGVNV và học sinh trong trường.

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo và giải quyết một số công việc chính như sau:

+ Ký hợp đồng với người lao động ở các vị trí việc làm khi có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Phân công nhiệm vụ cho CBGVNV.

+ Tài chính, cơ sở vật chất.

+ Các vấn đề liên quan đến học sinh (Biên chế lớp học, chuyển đi, chuyển đến, kỷ luật, xét lên lớp, ở lại lớp...)

+ Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo chức năng.

+ Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học.

+ Quản lý hồ sơ CB, GV, NV. Trực tiếp phê duyệt: Sổ gọi tên và ghi điểm; Học bạ học sinh; Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên.

+ Trực tiếp ký duyệt kế hoạch của nhà trường, các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường.

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường, tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học, báo cáo, đánh giá kết quả với cấp trên.

+ Chủ tịch Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật. Thực hiện việc tuyển dụng giáo viên, nhân viên, ký kết các hợp đồng lao động, tiếp nhận và điều động giáo viên theo quyết định.

+ Thực hiện các chế độ chính sách, quy chế dân chủ, công tác xã hội hóa giáo dục. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; thực hiện công khai đối với nhà trường.

1.2. Phó Hiệu trưởng.

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số lĩnh vực nhà trường do Hiệu trưởng phân công cụ thể như sau:

- Quản lý và chỉ đạo thực hiện về công tác chuyên môn:

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động về công tác chuyên môn.

+ Quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; dạy nghề, dạy học tự chọn, dạy lồng ghép, dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

+ Quản lý, kiểm tra, nhận xét các loại hồ sơ thuộc lĩnh vực chuyên môn. Trực tiếp phụ trách: Hồ sơ phổ cập giáo dục và xóa mù chữ; Sổ ghi đầu bài các lớp.

- Thống kê, tổng hợp và quản lý các chỉ số, số liệu về chuyên môn.
- Phụ trách công tác phổ cập GD THCS và THPT, xóa mù chữ.
- Phụ trách công tác phòng cháy, chữa cháy; vệ sinh môi trường.
- Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động, giúp Hiệu trưởng giải quyết những công việc, ký duyệt các hoạt động của cán bộ, giáo viên và các văn bản gửi cấp trên thuộc lĩnh vực phụ trách khi được Hiệu trưởng uỷ quyền, hoặc khi Hiệu trưởng đi vắng.
- Phân công giáo viên dạy thay, dạy đổi sau khi đã bàn bạc thống nhất ý kiến với Hiệu trưởng.
- Chịu trách nhiệm cá nhân về các lĩnh vực mình được phụ trách đồng thời chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, chịu trách nhiệm cùng Hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường trước UBND phường và Sở Giáo dục và Đào tạo.

1.3. Bí thư Đoàn THCS Hồ Chí Minh

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động của Đoàn TNCS HCM
- Kết hợp cùng Tổng phụ trách Đội phát động, duy trì các phong trào thi đua của học sinh, tổ chức các hoạt động trong các ngày lễ lớn.
- Quản lý, chỉ đạo công tác lao động - vệ sinh trong nhà trường.
- Làm một số công việc khác khi được Chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công phân công.

1.4. Tổng phụ trách Đội TNTP

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số mặt công tác sau:

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.
- Quản lý và chỉ đạo việc thực hiện nề nếp, các quy định, các hoạt động của học sinh toàn trường.
- Quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về tài sản của Đội. (Theo biên bản tiếp nhận tài sản hàng năm). Trực tiếp phụ trách: phong trào thi đua của các lớp.
- Quản lý và theo dõi các hoạt động và các chỉ số thi đua của học sinh toàn trường.
- Kết hợp cùng các tổ chức khác trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động theo chủ điểm (20/11, 22/12, 26/3....)
- Triển khai thực hiện kế hoạch HĐNGLL, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động ngoại khóa cho nhà trường.
- Quản lý, đôn đốc công tác lao động, vệ sinh các lớp, vệ sinh toàn trường.
- Làm một số công việc khác khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.5. Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn

1.5.1. Tổ trưởng tổ chuyên môn

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Xây dựng, triển khai, chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ, giúp giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy; kiểm tra đôn đốc thành viên thực hiện đúng kế hoạch đã đề ra; chủ trì thảo luận, nhận định tình hình và đánh giá kết quả giáo dục học sinh thuộc phạm vi của tổ phụ trách, bàn bạc có biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.
- Tổ trưởng trao đổi và đánh giá sáng kiến kinh nghiệm giáo dục, tổ chức các hoạt động chuyên môn để nâng cao trình độ các thành viên.
- Tổ chức phong trào thi đua trong tổ, nhận xét đánh giá tổ viên đề nghị khen thưởng và kỷ luật đối với tổ viên.
- Phối hợp với Phó Hiệu trưởng đề xuất xây dựng, phê duyệt chương trình nhà trường, kế hoạch dạy học, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành.
- Hoàn thành các báo cáo nộp về nhà trường.

- Thực hiện công việc khác khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.5.2. Tổ phó tổ chuyên môn

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số công việc sau:

- Tham mưu cho tổ trưởng trong việc xây dựng kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch tổ.
- Soạn thảo, ghi chép, tổng hợp các số liệu về các hoạt động của tổ chuyên môn.
- Điều hành các hoạt động chuyên môn khi được tổ trưởng uỷ quyền.
- Thực hiện một số công việc khác khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.6. Bộ phận văn phòng, văn thư, thủ quỹ

Phụ trách và chỉ đạo thực hiện một số mặt công tác sau:

- Xây dựng kế hoạch chung của bộ phận, chỉ đạo tổ viên thực hiện theo kế hoạch của bộ phận, kế hoạch chung của nhà trường.
- Quản lý con dấu của nhà trường.
- Có trách nhiệm chuyên các loại công văn đi, đến (Các loại công văn phải chuyên trực tiếp không qua hộp thư).
- Quản lý tất cả các đầu hồ sơ của nhà trường. ***Trực tiếp phụ trách: Sổ đăng bộ; Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Hồ sơ theo dõi sức khoẻ học sinh; Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ.***

- Phô tô các loại tài liệu của nhà trường.
- Tham gia công tác phổ cập theo sự phân công.
- Phụ trách công tác thu - chi các khoản quỹ của nhà trường theo đúng quy định.
- Tham gia công tác trực hành chính và các hoạt động khác, các công việc khác khi Hiệu trưởng, hoặc Phó Hiệu trưởng phân công.

1.7. Kế toán

Phụ trách và thực hiện một số mặt công tác sau:

- Phụ trách các công việc của nhân viên kế toán theo quy định của ngành.
- Tham mưu với Hiệu trưởng kế hoạch thu chi các khoản quỹ của nhà trường hợp lý và tiết kiệm.
- Tham mưu với Hiệu trưởng nhà trường để quản lý tài sản nhà trường.
- Phụ trách công tác bảo hiểm cho GV, HS toàn trường.
- Đề xuất phương án và thảo các hợp đồng lao động trong nhà trường.
- Theo dõi và cập nhật sổ Bảo hiểm của CB-GV- NV trong trường.
- Trực tiếp phụ trách hồ sơ: Quản lý tài chính của nhà trường, tài sản nhà trường.
- Tham gia công tác trực hành chính và các hoạt động khác khi Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.8. Phụ trách thư viện

Phụ trách và thực hiện một số mặt công tác sau:

- Phụ trách công tác thư viện. Xây dựng kế hoạch xây dựng thư viện xanh, thư viện thân thiện. Trực tiếp phụ trách: Hồ sơ quản lý thư viện.
- Tham gia công tác phổ cập theo sự phân công.
- Thực hiện một số công việc khác khi được Ban giám hiệu phân công.

1.9. Thiết bị thí nghiệm

Phụ trách và thực hiện một số mặt công tác sau:

- Phụ trách đồ dùng dạy học của nhà trường và các lớp.
- Tham gia trợ giảng cho giáo viên dạy các tiết thực hành khi có yêu cầu.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm, thanh lý đồ dùng dạy học cho từng năm học. Trực tiếp phụ trách sổ quản lý thiết bị giáo dục của nhà trường.

- Tham gia công tác phổ cập theo sự phân công.

- Thực hiện một số công việc khác khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.10. Y tế học đường

- Xây dựng kế hoạch về công tác y tế học đường; triển khai các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nhắc nhở để đảm bảo môi trường an toàn cho sức khỏe của cán bộ, giáo viên và nhân viên.

- Tham mưu với hiệu trưởng các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế học đường.

1.11. Thư ký nhà trường, Hội đồng trường

Phụ trách và thực hiện một số mặt công tác sau:

- Chịu trách nhiệm ghi chép biên bản các cuộc họp do Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường hoặc người được Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường ủy quyền chủ trì.

- Trực tiếp phụ trách: Sở nghị quyết của nhà trường và nghị quyết của Hội đồng trường.

- Thực hiện một số công việc khác khi được Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phân công.

1.12. Giáo viên

- Thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ được quy định trong Luật Viên chức; Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chấp hành theo Bảng phân công chuyên môn, thời khóa biểu (*Phụ lục đính kèm*)

- Chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và các đoàn thể mà mình là thành viên.

1.13. Bảo vệ

Phụ trách và thực hiện một số mặt công tác sau:

- Phụ trách công tác bảo vệ tài sản cho nhà trường, GV, HS. Lập kế hoạch, đề xuất phương án bảo vệ tài sản cho nhà trường.

- Tham gia các hoạt động khác khi lãnh đạo nhà trường phân công.

1.14. Lao công

Thực hiện theo hợp đồng lao động.

2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

3. Công tác kiểm tra

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh...

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong Ban kiểm tra nội bộ thực hiện tốt nhiệm vụ của đồng chí Trưởng ban phân công.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

4. Chế độ thông tin, báo cáo

- Tổ trưởng chuyên môn phối hợp với Phó Hiệu trưởng định kỳ báo cáo Hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Các tổ chức cá nhân định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ về kết quả công việc được giao thực hiện để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của Trường THCS Lâm Động. Hiệu trưởng nhà trường yêu cầu Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, văn phòng, cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND, UBND phường;
- CBGVNV;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Cao Văn Hiếu